

MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CƠ SỞ VÙNG TÂY NGUYÊN VỮNG MẠNH

NGUYỄN VĂN QUÝ*

Vùng Tây Nguyên có tổng diện tích tự nhiên là 5.445.139 ha, với 4.674.200 nhân khẩu; có 44 dân tộc chung sống, trong đó các dân tộc thiểu số chiếm 33,5% dân số toàn vùng; có các tôn giáo chính: Phật giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành...; gồm 5 tỉnh; 59 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; 696 xã, phường, thị trấn; 6.861 thôn, buôn, bon, tổ dân phố, trong đó có 1.760 thôn, buôn, bon có đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; là vùng đất có nhiều tiềm năng về phát triển kinh tế, là địa bàn có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng. Thực hiện NQTƯ 5 (Khoá IX) về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở và Quyết định 253/QĐ-TTg, ngày 5-3-2003 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt Đề án "Một số giải pháp củng cố, kiện toàn chính quyền cơ sở vùng Tây Nguyên, giai đoạn 2002-2010", công tác xây dựng chính quyền cơ sở luôn được các cơ quan Trung ương và các địa phương quan tâm đúng mức, nhờ đó mà chính quyền cơ sở được củng cố, tăng cường về nhiều mặt, góp phần phát triển kinh tế, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn vùng Tây Nguyên.

Vai trò lãnh đạo của cấp uỷ Đảng; chỉ đạo, điều hành của chính quyền; lề lối làm việc, tác phong công tác của đội ngũ cán bộ, công chức có sự chuyển

biến tích cực. Hoạt động của HĐND cấp xã đã có nhiều tiến bộ hơn so với trước đây, từng bước đổi mới hình thức và nâng cao chất lượng hoạt động: Xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri trước và sau các kỳ họp; nội dung nghị quyết được ban hành sát với tình hình thực tế hơn. Hoạt động của UBND cấp xã đã có nhiều tiến bộ trong việc thực hiện chức năng quản lý, điều hành trên cơ sở phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng, kịp thời phát hiện và giải quyết những vấn đề bức xúc của dân.

Trong nhiệm kỳ 2004-2009 đội ngũ cán bộ chuyên trách, công chức, cán bộ không chuyên trách cấp xã được bố trí đúng theo quy định của Luật Tổ chức HĐND và UBND và Nghị định số 121/2003/NĐ-CP, ngày 21-10-2003 của Chính phủ. Theo thống kê của Sở Nội vụ các tỉnh vùng Tây Nguyên, HĐND cấp xã có 17.488 đại biểu; thành viên UBND cấp xã có 2.420 người. Đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã có 12.689 người (trong đó 7.530 cán bộ chuyên trách và 5.159 công chức); cán bộ không chuyên trách có 41.748 người. Trong đó ở xã 9.775 người, ở thôn, buôn, bon, tổ dân phố 31.973 người.

Trình độ học vấn của đại biểu HĐND, thành viên UBND, đội ngũ cán bộ chuyên trách, công chức và cán bộ không chuyên trách đều được nâng lên so với trước. Tuy vậy, hiện vẫn còn 57,33% đại biểu HĐND có trình độ học vấn trung học cơ sở; 69,03% đại biểu HĐND và 32,14% cán bộ chuyên trách

* Văn phòng Trung ương Đảng

chưa qua đào tạo về lý luận chính trị; 29,02% công chức chưa qua đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ.

Để tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế, trên cơ sở đúc kết những kinh nghiệm quý trong công tác này thời gian qua, thi cần căn cứ đặc điểm, tình hình các địa phương vùng Tây Nguyên để xác định những biện pháp phù hợp. Trước hết, tổ chức các hội nghị trao đổi kinh nghiệm xây dựng chính quyền cơ sở theo từng cụm từ hai đến ba huyện, sau đó tổ chức trên phạm vi rộng hơn (toàn tỉnh hoặc toàn vùng Tây Nguyên) để trao đổi, học hỏi, nhân rộng những kinh nghiệm xây dựng chính quyền cơ sở, góp phần xây dựng vùng Tây Nguyên vững mạnh toàn diện. Đây là một nội dung lớn trong hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương.

Xác định nhiệm vụ xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh là một trong những nhiệm vụ then chốt góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng. Tập trung lãnh đạo phát triển mạnh kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng các nhà máy, xí nghiệp, phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số đi đôi với đảm bảo an ninh - quốc phòng, tăng cường khả năng chủ động ứng phó với những diễn biến phức tạp có thể xảy ra.

Mọi hoạt động của chính quyền phải lấy phương châm "Lấy dân làm gốc". Xây dựng kế hoạch phải sát với thực tiễn ở địa phương; giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh. Kịp thời cụ thể hoá chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và các văn bản pháp luật của Nhà nước, có sự vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của mỗi địa phương để tổ chức thực hiện, thường xuyên kiểm tra đôn đốc và kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm.

Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở có phẩm chất đạo đức cách mạng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đảm bảo tỷ lệ cơ cấu cán bộ người dân tộc thiểu số một cách hợp lý trong đội ngũ cán bộ công chức cấp xã, nhất là cán bộ người dân tộc thiểu

số tại chỗ. Ưu tiên bố trí và sử dụng hết số học sinh, sinh viên người dân tộc sau khi tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp về công tác lâu dài ở địa phương.

Tạo nguồn cán bộ là người tại chỗ để cử đi đào tạo, bồi dưỡng sau đó về bố trí làm việc tại xã. Kết hợp đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ với việc bổ túc nâng cao trình độ văn hoá, tăng cường đào tạo theo kỹ năng, xử lý tình huống thực tế. Việc tạo nguồn cán bộ theo mô hình liên thông: giao cho các cơ quan, ban ngành của huyện nhận giúp đỡ từ 1 đến 2 con em người dân tộc thiểu số; phòng giáo dục phối hợp với trường dân tộc nội trú đào tạo văn hoá; trường chính trị đào tạo trung cấp chính trị; thành lập ban chỉ đạo lớp học để phối hợp các cơ quan liên ngành giúp đỡ các em trong quá trình học tập.

Kết hợp chặt chẽ công tác cán bộ với công tác tư tưởng, khen thưởng và xử lý kỷ luật nghiêm minh, chú trọng xây dựng ý thức trách nhiệm, tác phong làm việc, ý thức tổ chức kỷ luật của cán bộ, công chức trong bộ máy chính quyền, nhất là cán bộ chủ chốt theo hướng sát dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Xây dựng quy chế làm việc, quy chế phối hợp giữa Đảng, chính quyền và các đoàn thể. Đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể rõ ràng.

Tiếp tục rà soát lại đội ngũ cán bộ, công chức để nắm chắc về phẩm chất, năng lực, trình độ, làm căn cứ quy hoạch, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng (kể cả đào tạo lại). Đảm bảo quy hoạch phải gắn với đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng; hoàn thành chỉ tiêu yêu cầu theo tiêu chuẩn các chức danh cán bộ, công chức cấp xã được quy định tại Quyết định 04/2004/QĐ-BNV ngày 16-1-2004 của Bộ Nội vụ về tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn.

(Xem tiếp trang 58)

lượng chăn nuôi đạt xấp xỉ bằng năm 1964; sản xuất phân bón có nhiều cố gắng; chú trọng cải tiến công cụ và trang bị cơ khí nhỏ cho các khâu lao động trồng trọt và chăn nuôi. Tính đến năm 1968, các hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc đã được trang bị 80 vạn cào cỏ cải tiến, 50 vạn xe cải tiến, 3 vạn máy bơm thuốc trừ sâu, 3.624 máy bơm chạy bằng dầu và có 4.616 điện cơ khí nhỏ. Một số HTX có trạm bơm điện. Cán bộ kỹ thuật làm việc trực tiếp ở HTX có 15.000 cán bộ trung cấp và 3 vạn cán bộ sơ cấp. Nhìn chung sản xuất nông nghiệp đã có nhiều nỗ lực lớn, tuy vậy vẫn còn nhiều mặt bất cập như: sản xuất lương thực chưa đáp ứng đủ nhu cầu và phải nhập từ bên ngoài; việc bảo đảm tưới tiêu nước còn hạn chế; trang bị kỹ thuật cho nông nghiệp còn quá ít và hiệu quả sử dụng máy cày, máy kéo thấp; cuộc vận động cải tiến quản lý HTX, cải tiến kỹ thuật chưa đạt yêu cầu đề ra do điều kiện có chiến tranh.

Chủ trương đúng đắn của Đảng về chuyển hướng xây dựng, phát triển kinh tế nông nghiệp miền Bắc từ thời bình sang thời chiến (1965-1968) đã góp phần quan trọng bảo đảm cho miền Bắc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là hậu phương lớn, tiềm lực kinh tế, quốc phòng được tăng cường, góp phần quan trọng để miền Bắc đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, đồng thời dốc sức chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế nông nghiệp miền Bắc trong điều kiện cả nước có chiến tranh (1965-1968) đã để lại cho Đảng và nhân dân ta nhiều kinh nghiệm quý có thể vận dụng trong công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, nhất là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn ở nước ta hiện nay.

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2003, T.26, tr. 108, 111, 645, 645

5. Bộ Quốc phòng: *Chiến tranh nhân dân địa phương trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, QĐND, H, 1996, tr. 392.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP...

(Tiếp theo trang 48)

Đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, mở rộng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân đi đôi với giữ vững kỷ cương pháp luật đảm bảo để nhân dân tham gia giám sát hoạt động của chính quyền, công khai thủ tục hành chính, kịp thời giải quyết những vướng mắc, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, coi trọng công tác hoà giải, không để mâu thuẫn tích tụ lâu ngày trở thành điểm nóng.

Củng cố hệ thống chính trị cơ sở từ thôn, buôn, tăng cường sự gắn bó giữa chính quyền cơ sở với trường thôn, già làng trong xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng. Quan tâm động viên già làng và những người có uy tín trong nhân dân để họ vận động, thuyết phục quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Các xã, phường, thị trấn cử cán bộ, công chức theo dõi, nắm chắc địa bàn thôn, buôn. Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, huyện thực hiện kết nghĩa với các xã, buôn để giữ mối liên hệ thường xuyên với cơ sở; hướng dẫn, tư vấn, giúp đỡ đồng bào phát triển sản xuất, ổn định cuộc sống, xây dựng địa phương giàu về kinh tế, vững về an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội.

Tập trung tăng cường cho các địa bàn trọng điểm, nắm chắc tình hình thực tế, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân; làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng; xây dựng đoàn kết nội bộ, đoàn kết dân tộc, chống lại các luận điểm xuyên tạc, mua chuộc, móc nối, đe dọa, khống chế cán bộ, đảng viên; đặc biệt chống các biểu hiện nghi kỵ, kỳ thị dân tộc.

Quy định tiêu chuẩn cụ thể đối cán bộ không chuyên trách để làm cơ sở tuyển chọn và thúc đẩy ý thức tự bồi dưỡng của đội ngũ cán bộ.